

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN QUẾ SƠN
TỈNH QUẢNG NAM**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 146 /2021/HNGĐ-ST

Ngày: 13/10/2021

V/v “Ly hôn”

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN QUẾ SƠN, TỈNH QUẢNG NAM**

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Nguyễn Văn Thọ.

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Ông Lê Quang Hòa;
2. Bà Võ Thị Hồng Hải.

- Thư ký phiên tòa: Bà Trần Thị Ngọc Yên, là Thư ký Tòa án nhân dân huyện Quế Sơn, tỉnh Quảng Nam.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Quế Sơn, tỉnh Quảng Nam tham gia phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Kiều Loan - Kiểm sát viên.

Ngày 13 tháng 10 năm 2021, tại Hội trường xét xử Tòa án nhân dân huyện Quế Sơn, tỉnh Quảng Nam xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 92/2021/TLST-HNGĐ ngày 28 tháng 5 năm 2021 về “Ly hôn” theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 67/2021/QĐXXST-HNGĐ ngày 01 tháng 9 năm 2021, giữa các đương sự:

- Nguyên đơn: Ông Nguyễn Văn A, sinh năm 1977; *Có mặt.*

Địa chỉ: Thôn 2, xã B G, huyện T B, tỉnh QN.

- Bị đơn: Bà Trần Thị L, sinh năm 1967; *Vắng mặt.*

Địa chỉ: Tổ dân phố H A Đ thị trấn H A, huyện Q S, tỉnh Q N.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Tại đơn khởi kiện đề ngày 24/5/2021, bản tự khai, tại phiên hòa giải và trong quá trình xét xử, nguyên đơn ông A trình bày:

Về quan hệ hôn nhân: Ông và bà Trần Thị L tự nguyện đến với nhau và có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã B G, huyện T B vào năm 2021. Thời gian chung sống vợ chồng thường xuyên xảy ra mâu thuẫn do bất đồng quan điểm sống, không hợp nhau, nhiều lần xảy ra cãi vã. Hiện tại ông và bà L không

còn chung sống với nhau và ông không còn tình cảm với bà L. Vì vậy, ông yêu cầu Tòa án giải quyết ly hôn với bà L.

Về con chung: Không có. Hiện tại bà L không có mang thai.

Về tài sản chung, nợ chung: Không có.

Theo bản tự khai, tại phiên hòa giải, bị đơn bà Liễu trình bày:

Về quan hệ hôn nhân: Bà và ông Nguyễn Văn A tự nguyện đến với nhau và có đăng ký kết hôn vào năm 2021 như ông A đã trình bày. Trong quá trình chung sống vợ chồng cũng không có xảy ra mâu thuẫn. Nay ông A yêu cầu ly hôn thì bà không đồng ý, mong muốn đoàn tụ gia đình.

Về con chung: Không có. Hiện tại bà không có mang thai.

Về tài sản chung, nợ chung: Không có.

Tại phiên tòa, đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Quế Sơn phát biểu ý kiến:

Về thủ tục tố tụng: Thẩm phán, Hội đồng xét xử, Thư ký phiên tòa thực hiện đúng quy định của Bộ luật tố tụng dân sự trong quá trình giải quyết vụ án kể từ khi thụ lý vụ án cho đến trước thời điểm Hội đồng xét xử nghị án. Nguyên đơn đã thực hiện đầy đủ quyền và nghĩa vụ của mình, nhưng bị đơn không thực hiện đúng quyền và nghĩa vụ của mình theo quy định của Bộ luật tố tụng dân sự.

Về nội dung vụ án: Đề nghị Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu khởi kiện về ly hôn của ông Nguyễn Văn A.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án, được thẩm tra tại phiên tòa, căn cứ vào kết quả tranh luận tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1]. Về thủ tục tố tụng:

[1.1]. Về sự vắng mặt của đương sự: Tại phiên tòa, bị đơn bà L đã được Tòa án triệu tập hợp lệ lần thứ hai nhưng vắng mặt tại phiên tòa, do đó Hội đồng xét xử căn cứ khoản 2 Điều 227, Điều 228 Bộ luật Tố tụng dân sự, tiến hành xét xử vắng mặt bà L.

[1.2]. Về quan hệ pháp luật và thẩm quyền giải quyết vụ án: Ông Nguyễn Văn A kết hôn với bà Trần Thị L, địa chỉ: Tổ dân phố H A Đ thị trấn H A, huyện Q S, tỉnh Q N. Nay ông A khởi kiện yêu cầu ly hôn với bà L, nên quan hệ pháp luật được xác định là “*Ly hôn*”, thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân huyện Quế Sơn, tỉnh Quảng Nam theo khoản 1 Điều 28, Điều 35 và Điều 39 của Bộ luật tố tụng dân sự.

[2]. Về quan hệ hôn nhân: Ông A và bà L tự nguyện kết hôn và được Ủy ban nhân dân xã B G, huyện T B, tỉnh QNm cấp Giấy chứng nhận kết hôn số 04 ngày 25 tháng 01 năm 2021, vì vậy hôn nhân của ông bà là hợp pháp. Ông A cho rằng trong quá trình chung sống vợ chồng thường xảy ra cãi vã, mâu thuẫn do

bất đồng quan điểm sống, không hợp nhau và hiện nay vợ chồng không còn chung sống với nhau, ông không còn tình cảm với bà L. Bà L trình bày, vợ chồng không có xảy ra mâu thuẫn gì, mong muốn đoàn tụ gia đình. Quá trình giải quyết vụ án Tòa án tiến hành hòa giải nhiều lần, tại phiên tòa ông A vẫn kiên quyết ly hôn. Tại Biên bản xác minh ngày 04/6/2021, Ủy ban nhân dân thị trấn HA cung cấp *“Trong quá trình chung sống tại địa phương, giữa ông A và bà L có xảy ra mâu thuẫn gì thì địa phương không rõ, hiện nay ông A và bà L không còn chung sống với nhau, giữa ông A và bà L không có con chung”*. Xét thấy, ông A và bà L không còn quan tâm, chăm sóc lẫn nhau, ông A không còn tình cảm với bà L nên mâu thuẫn giữa ông bà đã trầm trọng, đời sống chung không thể kéo dài, mục đích của hôn nhân không đạt được. Vì vậy, cần chấp nhận yêu cầu ly hôn của ông A là phù hợp với quy định tại Điều 51, Điều 56 của Luật hôn nhân và gia đình.

[3]. Về con chung: Không có nên Hội đồng xét xử không xem xét.

[4]. Về tài sản chung, nợ chung: Không có nên Hội đồng xét xử không xem xét.

[5]. Về án phí hôn nhân gia đình sơ thẩm ông Nguyễn Văn A phải chịu theo quy định của pháp luật.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ khoản 1 Điều 28, Điều 35, Điều 39, Điều 147, khoản 2 Điều 227 và Điều 228 Bộ luật tố tụng dân sự; Điều 51, Điều 56 Luật hôn nhân và gia đình năm 2014; khoản 5 Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội.

Tuyên xử: Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của ông Nguyễn Văn A.

1. Về quan hệ hôn nhân: Cho ly hôn giữa ông Nguyễn Văn A và bà Trần Thị L.

2. Về án phí hôn nhân gia đình sơ thẩm là 300.000 (Ba trăm nghìn) đồng ông Nguyễn Văn A phải chịu, nhưng được khấu trừ vào số tiền tạm ứng án phí mà ông A đã nộp là 300.000 (Ba trăm nghìn) đồng theo biên lai thu tạm ứng án phí, lệ phí Tòa án số 0001828 ngày 28/5/2021 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện Quế Sơn, tỉnh Quảng Nam.

3. Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7 và 9 Luật thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

5. Trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án sơ thẩm nguyên đơn có quyền làm đơn kháng cáo yêu cầu xét xử theo trình tự phúc thẩm. Riêng bị đơn vắng mặt có quyền kháng cáo bản án sơ thẩm trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết hợp lệ.

Nơi nhận:

- Các đương sự;
- TAND tỉnh Quảng Nam;
- VKSND huyện Quế Sơn;
- Chi cục THADS huyện Quế Sơn;
- UBND xã Bình Giang, huyện Thăng Bình;
- Lưu hồ sơ vụ án.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Nguyễn Văn Thọ